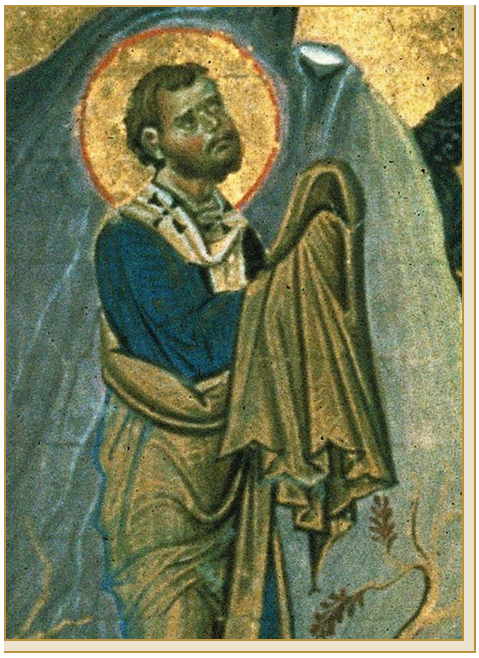


Kế vị tông đồ

từ Thánh Stakhy, một trong Bảy Mươi môn đệ, qua Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis, cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

Đức Giám mục*

Garland F. Byers, Jr., J.D., D.D.‡

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ

1. Thánh Stakhy, một trong Bảy Mươi môn đệ CO

được Chúa Kitô sai đi trong số Bảy Mươi môn đệ khoảng năm 30 sau Công nguyên (Lu-ca 10:1)
được nêu tên trong Kinh Thánh: Thánh Phaolô chào thăm "Êch-ta-chy, là kẻ rất thiết với tôi" (La-mã 16:9)
giám mục tiên khởi của Byzantium, năm 38 sau Công nguyên

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Stakhy, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Stakhy đến Germanus V, Thượng phụ Đại kết, theo danh sách các giám mục và thượng phụ do Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis lưu giữ: chính là danh sách mà Tòa Thượng phụ Đại kết dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên.

Thánh Stakhy, người được Thánh Phaolô chào thăm: "Êch-ta-chy, là kẻ rất thiết với tôi" (La-mã 16:9), được Giáo hội Chính Thống tôn kính là một tông đồ trong Bảy Mươi môn đệ; Giáo hội này mừng lễ kính ngài vào ngày 31 tháng 10, cùng với các Tông đồ Ampliát và Urbanô, và kể ngài trong số Bảy Mươi Tông đồ được tôn kính chung vào ngày 4 tháng 1. Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis coi ngài là giám mục tiên khởi của Byzantium, được Thánh Anrê đặt coi sóc Giáo hội tại đó, và đặt ngài đứng đầu danh sách các giám mục của mình.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

O Được Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

Constantinopolis

Tòa Byzantium, về sau là Constantinopolis, nhận Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên, là đấng sáng lập. Các giám mục và thượng phụ từ Thánh Ôrêximô, người kế vị Thánh Stakhy, cho đến Germanus V, là vị thượng phụ mà dưới thời ngài, Kristofor Kisi đã được tấn phong làm giám mục của Tòa Thượng phụ Đại kết năm 1916.

2. Onesimus 54
3. Polycarp I 69
4. Plutarch 89
5. Sedecion 105
6. Diogenes 114
7. Eleutherius 129
8. Felix 136
9. Polycarp II 141
10. Athenodorus 144
11. Euzois 148
12. Laurence 154
13. Alypius 166
14. Pertinax 169
15. Olympianus 187
16. Mark I 198
17. Philadelphus 211
18. Cyriacus I 214
19. Castinus 230
20. Eugenius I 237
21. Titus 242
22. Dometius 272
23. Rufinus I 284

24. Probus 293
25. Th. Metrophanes CO 306
26. Th. Alexander CO 314
27. Th. Phaolô I CO *Tử đạo* 337
28. Eusebius 339
29. Macedonius I 342
30. Eudoxius 360
31. Evagrius 370
32. Demophilus 370
33. Th. Grêgôriô Nazianzênô CO 379
34. Th. Nectarius CO 381
35. Th. Gioan Kim Khẩu CO 398
36. Arsacius 404
37. Th. Atticus CO 406
38. Sisinnius I 426
39. Nestorius 428
40. Maximian 431
41. Th. Proclus CO 434
42. Th. Flavian CO *Tử đạo* 446
43. Th. Anatolius CO 449
44. Th. Gennadius I CO 458
45. Acacius 472
46. Fravitta 489
47. Euphemius 490
48. Macedonius II 496
49. Timothy I 511
50. John II 518
51. Epiphanius 520
52. Anthimus I 535
53. Th. Menas CO 536
54. Th. Eutychius CO 552
55. John III 565
56. Th. John IV CO 582
57. Cyriacus II 596
58. Thomas I 607
59. Sergius I 610
60. Pyrrhus 638
61. Paul II 641
62. Peter 654
63. Thomas II 667
64. John V 669
65. Constantine I 675
66. Theodore I 677
67. George I 679
68. Paul III 688
69. Callinicus I 693
70. Cyrus 706
71. John VI 712
72. Th. Germanus I CO 715
73. Anastasius 730
74. Constantine II 754
75. Nicetas I 766
76. Th. Paul IV CO 780
77. Th. Tarasius CO 784
78. Th. Nicephorus I CO 806
79. Theodotus I 815
80. Anthony I 821
81. John VII 837
82. Th. Methodius I CO 843
83. Th. Ignatius CO 847
84. Th. Photius O 858
85. Stephen I 886
86. Anthony II 893
87. Th. Nicholas I CO 901
88. Euthymius I 907
89. Stephen II 925
90. Tryphon 928
91. Theophylact 933

92. Polyeuctus 956
93. Basil I 970
94. Anthony III 974
95. Nicholas II 984
96. Sisinnius II 996
97. Th. Sergius II [CO] 1001
98. Th. Eustathius [CO] 1019
99. Alexius Stoudites 1025
100. Michael I Cerularius 1043
101. Th. Constantine III [O] 1059
102. Th. John VIII Xiphilinos [O] 1064
103. Th. Cosmas I [O] 1075
104. Eustratius Garidas 1081
105. Nicholas III Grammatikos 1084
106. John IX 1111
107. Th. Leo [O] 1134
108. Th. Michael II [O] 1143
109. Cosmas II 1146
110. Nicholas IV 1147
111. Theodotus II 1151
112. Neophytus I 1154
113. Constantine IV 1154
114. Luke Chrysoberges 1157
115. Michael III 1170
116. Chariton 1178
117. Theodosius I 1179
118. Basil II Kamateros 1183
119. Nicetas II Mountanes 1186
120. Dositheus 1189
121. Leontius 1189
122. George II Xiphilinos 1191
123. John X Kamateros 1198
124. Michael IV Autoreianos 1208
125. Theodore II 1213
126. Maximus II 1216
127. Manuel I 1217
128. Germanus II 1223
129. Methodius II 1240
130. Manuel II 1243
131. Th. Arsenius [O] 1254
132. Nicephorus II 1260
133. Germanus III 1265
134. Th. Joseph I [O] 1266
135. John XI 1275
136. Gregory II 1283
137. Th. Athanasius I [O] 1289
138. John XII 1294
139. Nephon I 1310
140. John XIII 1315
141. Gerasimus I 1320
142. Isaias 1323
143. John XIV 1334
144. Isidore I 1347
145. Th. Callistus I [O] 1350
146. Philotheus 1353
147. Macarius 1377
148. Nilus 1380
149. Antony IV 1389
150. Th. Callistus II [O] 1397
151. Matthew I 1397
152. Euthymius II 1410
153. Joseph II 1416
154. Metrophanes II 1440
155. Gregory III 1445
156. Athanasius II 1450
157. Gennadius II Scholarios 1454
158. Isidore II 1456
159. Joasaph I 1462

160. Mark II 1466
161. Symeon I 1466
162. Th. Dionysius I [O] 1466
163. Raphael I 1475
164. Th. Maximus III [O] 1476
165. Th. Nephon II [O] 1486
166. Maximus IV 1491
167. Joachim I 1498
168. Pachomius I 1503
169. Theoleptus I 1513
170. Th. Jeremias I [O] 1522
171. Joannicius I 1524
172. Dionysius II 1546
173. Joasaph II 1556
174. Metrophanes III 1565
175. Jeremias II 1572
176. Pachomius II 1584
177. Theoleptus II 1585
178. Matthew II 1596
179. Gabriel I 1596
180. Theophanes I 1596
181. Meletius I 1597
182. Neophytus II 1602
183. Raphael II 1603
184. Cyril I Lucaris 1612
185. Timothy II 1612
186. Gregory IV 1623
187. Anthimus II 1623
188. Cyril II Kontares 1633
189. Athanasius III Patelaros 1634
190. Neophytus III 1636
191. Parthenius I 1639
192. Parthenius II 1644
193. Joannicius II 1646
194. Cyril III 1652
195. Paisius I 1652
196. Th. Parthenius III [O] *Tử đạo* 1656
197. Gabriel II 1657
198. Parthenius IV 1657
199. Dionysius III 1662
200. Clement 1667
201. Methodius III 1668
202. Dionysius IV 1671
203. Gerasimus II 1673
204. Athanasius IV 1679
205. James 1679
206. Callinicus II 1688
207. Neophytus IV 1688
208. Gabriel III 1702
209. Neophytus V 1707
210. Cyprianus 1707
211. Athanasius V 1709
212. Cyril IV 1711
213. Cosmas III 1714
214. Jeremias III 1716
215. Callinicus III 1726
216. Paisius II 1726
217. Seraphim I 1733
218. Neophytus VI 1734
219. Cyril V 1748
220. Callinicus IV 1757
221. Seraphim II 1757
222. Joannicius III 1761
223. Samuel 1763
224. Meletius II 1768
225. Theodosius II 1769
226. Sophronius II 1774
227. Gabriel IV 1780

228. Procopius 1785
229. Neophytus VII 1789
230. Gerasimus III 1794
231. Th. Gregory V [O] *Từ đạo* 1797
232. Callinicus V 1801
233. Jeremias IV 1809
234. Cyril VI 1813
235. Eugenius II 1821
236. Anthimus III 1822
237. Chrysanthus 1824
238. Agathangelus 1826
239. Constantius I 1830
240. Constantius II 1834
241. Gregory VI 1835
242. Anthimus IV 1840
243. Anthimus V 1841
244. Germanus IV 1842
245. Meletius III 1845
246. Anthimus VI 1845
247. Cyril VII 1855
248. Joachim II 1860
249. Sophronius III 1863
250. Joachim III 1878
251. Joachim IV 1884
252. Dionysius V 1887
253. Neophytus VIII 1891
254. Anthimus VII 1895
255. Constantine V 1897
256. Germanus V 1913

Albania và Hoa Kỳ

Từ Kristofor Kisi, được tấn phong giám mục tại Constantinopolis năm 1916 và về sau là Tổng Giám mục Albania, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình. Cùng với Giám mục Hierotheos, đại diện (exarch) của Tòa Thượng phụ Đại kết, Kisi đã tấn phong Theofan (Fan) Noli tại Korçë năm 1923.

257. Kristofor Kisi 1916
258. Theofan (Fan) Noli 1923
259. William Henry Francis Brothers 1934
260. Joseph John Skureth 1966
261. Nils Bertil Alexander Persson 1989
262. Samuel Guido, Jr. 2004

263.

Garland F. Byers, Jr.

2013

Bí tích Truyền Chức Thánh

Lễ phong chức

Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Tấn phong giám mục

Phục vụ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong
Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong
Giám mục Bradley A. Varvil
Giám mục Michael Byus
Giám mục James Thompson
Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang Về Đức Giám mục.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (…) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn "Aáy" thành "Ấy", "k"" thành "kỳ"); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Thánh Stakhy, trích từ bức tiểu họa các Thánh Tông đồ Stakhy, Ampliát và Urbanô trong sách Menologion của Basil II, Constantinopolis, khoảng năm 1000 sau Công nguyên, Thư viện Vatican (Vat. gr. 1613). Lấy từ Wikimedia Commons, public domain; đã cắt xén và đổi kích thước so với bản gốc.